

Số: /TMCG-BVPBT

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 9 năm 2025

V/v: Mời chào giá HC-SP-VTTH phục vụ
công tác xét nghiệm năm 2025-2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phổi Bình Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hàng hóa Hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao năm 2025-2026.

Quý Công ty báo giá (giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng) theo Danh mục nêu trên theo mẫu (đính kèm). **Báo giá chỉ được xem xét khi Quý Công ty chào giá đủ các mặt hàng trong một phần/lô** (thông báo mời chào giá bao gồm 06 phần/lô), thời gian hiệu lực của báo giá tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 29/9/2025.

Công ty cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá hàng hóa phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

Báo giá gửi về Khoa Dược - Bệnh viện Phổi Bình Thuận, địa chỉ: 03B Nguyễn Hội, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng chậm nhất đến trước 17h ngày 29/9/2025 (theo dấu bưu điện), chủ đề của thư nêu rõ “Báo giá của Công ty...”. Chi tiết xin liên hệ: DS Huỳnh Bảo Trâm, số điện thoại: 0937.736.708.

Bệnh viện Phổi Bình Thuận rất mong sự hợp tác từ Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Lê Hồng Vũ

DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG HÓA

(Đính kèm thư mời chào giá số: /TMCG-BVPBT ngày 19/9/2025)

STT	Danh mục hàng hoá	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
I	SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN - VẬT TƯ (12 khoản)				
1	Thuốc thử nhóm máu A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. ISO-13485.	Lọ 10ml	Lọ	12
2	Thuốc thử nhóm máu B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B501100 1,0ml. ISO-13485.	Lọ 10ml	Lọ	12
3	Thuốc thử nhóm máu AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. ISO-13485. Bảo quản 2-8°C	Lọ 10ml	Lọ	12
4	Thuốc thử nhóm máu D	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. ISO-13485.	Lọ 10ml	Lọ	12
5	Test CEA	Test xét nghiệm nhanh phát hiện định tính CEA trong huyết thanh hoặc huyết tương ở người.		Test	600
6	Test thử đường huyết	- Sử dụng Men GOD. - Que test 8 điện cực bằng bạc. - Kết quả chuẩn sau 5 giây, - Cảnh báo hạ đường huyết (hypo warming), - Đạt Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016, EC.		Test	2.300
7	Test thử nước tiểu 10 thông số	Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid. Que thử sử dụng một lần.		Test	2.300
8	Test nhanh thử viêm gan B	- Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương - Bảo quản ở nhiệt độ thường.		Test	900
9	Test nhanh thử viêm gan C	- Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người - Bảo quản ở nhiệt độ thường		Test	700
10	Cuvette dùng máy XN sinh hóa bán tự động	Cuvette phản ứng được làm bằng nhựa quang học (Nhựa PS), dùng cho máy sinh hóa bán tự động CLINDIAG SA - 20	Hộp 100 cái	Hộp	20

STT	Danh mục hàng hoá	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
11	Cốc đựng mẫu (Sample Cup)	Cốc chứa mẫu 2,5ml được làm bằng nhựa quang học (Nhựa PS)	Bịch 500 cái	Cái	11.000
12	Cuvette	Cuvette phản ứng được làm bằng nhựa quang học, dùng máy XN sinh hóa tự động MONACH 240	6x20 Giếng/Hộp	Bộ	6
II	XÉT NGHIỆM SINH HOÁ (20 khoản)				
	MÁY CLINDIAG SA - 20				
1	Hóa chất định lượng Acid Uric	Dùng cho máy sinh hóa bán tự động Clindiaq SA-20 Xét nghiệm định lượng chỉ số Uric acid trong huyết thanh và nước tiểu.	R1: 4x50ml, R2 STD: 1x5ml	Hộp	9
2	Hóa chất định lượng ALT (SGPT)	Dùng cho máy sinh hóa bán tự động Clindiaq SA-20. Xét nghiệm định lượng ALT trong huyết tương/ huyết thanh.	R1: 4 x 50ml R2: 1 x 50ml	Hộp	37
3	Hóa chất định lượng AST (SGOT)	Dùng cho máy sinh hóa bán tự động Clindiaq SA-20. Xét nghiệm định lượng AST trong huyết tương/ huyết thanh.	R1: 4 x 50ml R2: 1 x 50ml	Hộp	37
4	Hóa chất định lượng Creatinin	Phù hợp cho máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Clindiaq SA-20. Xét nghiệm Creatinin trong huyết tương/ huyết thanh.	R1: 2x50ml, R2: 2x50ml, R3 STD: 1x5ml	Hộp	23
5	Hóa chất định lượng Glucose	Dùng cho máy sinh hóa bán tự động Clindiaq SA-20. Hóa chất xét nghiệm Glucose máu. Phương pháp GOD PAP.	R1: 2x250ml, R2 STD: 2x5ml	Hộp	23
	MÁY TỰ ĐỘNG MONACH 240				
1	Hóa chất định lượng Urea	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Xét nghiệm bằng enzym để xác định định lượng urê trong huyết thanh người, huyết tương và nước tiểu.	R1: 4 x 60ml, R2: 2 x 24ml	Hộp	11
2	Hóa chất định lượng Creatinin	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Xét nghiệm Creatinin trong máu	R1: 3 x 50ml, R2: 3 x 50 ml	Hộp	4
3	Hóa chất định lượng Glucose	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Hóa chất xét nghiệm Glucose máu. Phương pháp GOD PAP. Thử nghiệm tuyến tính lên đến 30,0 mmol/l (550mg/dl). Đo chính xác mức đường huyết xuống 0,35 mmol/l (6,3mg/dl).	R1: 8 x 60ml	Hộp	5
4	Hóa chất định lượng LDH	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Hóa chất xét nghiệm LDH trong huyết thanh/ huyết tương. Độ tuyến tính: 800U/L. Blank Absorbank: A≤0.500	R1: 5 x 60ml, R2: 5 x 15ml	Hộp	4
5	Hóa chất định lượng Protein TP	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Xét nghiệm Protein toàn phần trong mẫu. Độ tuyến tính : 130g/l. Độ nhạy: 2g/l.	R1: 4 x 60ml	Hộp	4

STT	Danh mục hàng hoá	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
6	Hoá chất định lượng Triglycerid	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Xét nghiệm bằng enzyme để xác định định lượng chất béo trung tính Triglyceride trong huyết thanh và huyết tương người. Độ tuyến tính 3 - 1000 mg/dl (0.05 - 11.4 mmol/l). Độ nhạy: 3mg/dl (0.05 mmol/l). Ổn định đến ngày hết hạn ở 2-8oC.	R1: 4 x 60ml	Hộp	4
7	Hoá chất định lượng Acid Uric	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Xét nghiệm định lượng chỉ số Uric acid trong huyết thanh/ huyết tương người.	R1: 4 x 60ml	Hộp	2
8	Hoá chất định lượng AST (SGOT)	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Xét nghiệm định lượng AST trong huyết tương/ huyết thanh. Độ tuyến tính tới 410U/L. Độ nhạy 4 U/L. Ổn định đến ngày hết hạn ở 2-8oC.	R1: 6x30ml R2: 2x18ml	Hộp	9
9	Hoá chất định lượng ALT (SGPT)	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Xét nghiệm định lượng ALT trong huyết tương/ huyết thanh. Độ tuyến tính tới 418U/L. Độ nhạy 3U/L. Ổn định đến ngày hết hạn ở 2-8oC.	R1: 6x30ml R2: 2x18ml	Hộp	9
10	Bilirubine Total	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Xét nghiệm Bilirubin toàn phần trong huyết thanh/ huyết tương. Độ tuyến tính 684µmol/l, Độ nhạy: 0.1782µmol/l. Bước sóng: 450, 546nm.	R1: 4 x 40ml, R2: 4 x 10ml	Hộp	9
11	Bilirubine Direct	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Xét nghiệm Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh/ huyết tương. Độ tuyến tính 342µmol/l, Độ nhạy: 0.299µmol/l. Bước sóng: 450, 546nm.	R1: 4 x 40ml, R2: 4 x 10ml	Hộp	9
12	Hoá chất nội kiểm sinh hoá	Phù hợp cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Monach 240. Chất kiểm chứng sinh hóa mức bình thường. Thành phần từ serum người, bao gồm các thông số. Độ bền mở nắp 7 ngày 2-8°C hoặc 28 ngày ở -20°C, ≤ 70 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate.	20 lọ x 5ml	Lọ	4
13	Huyết thanh hiệu chuẩn	Dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240. Hóa chất dùng để chuẩn các xét nghiệm thường qui của sinh hóa máu. Bản chất là bột đông khô từ huyết thanh người và chất bảo quản	20 lọ x 5ml	Lọ	4

STT	Danh mục hàng hoá	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
14	Hóa chất Ngoại kiểm sinh hóa	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry (Chương trình Ngoại kiểm Sinh Hóa) dùng cho máy sinh hóa tự động Monach 240	Hộp/ 6 x 5ml	Hộp/Bộ	4
15	Dung dịch rửa máy sinh hóa	Phù hợp cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Monach 240. Chất tẩy rửa sử dụng cho máy sinh hoá tự động	2000ml	Bình	26
III	HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC CELLTAC ALPHA-NIHON KODEN (06 khoản)				
1	Dung dịch rửa hệ thống đường dẫn máy huyết học	Dùng cho máy xét nghiệm huyết học CELLTAC ALPHA. Dung dịch rửa hệ thống ống, buồng đếm. Thành phần: Buffer <1.0% Sufurctant <1.0%	05 lít / Bình	Can/Bình/C hai	10
2	Dung dịch rửa hệ thống đường dẫn máy huyết học	Dùng cho máy xét nghiệm huyết học CELLTAC ALPHA. Dung dịch rửa hệ thống ống, buồng đếm. Thành phần: Buffer <1.0%, Sufurctant <2.0%	05 lít / Bình	Can/Bình/C hai	10
3	Dung dịch dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu	Dùng cho máy xét nghiệm huyết học CELLTAC ALPHA. Dung dịch ly giải hồng cầu để đếm tế bào máu, định cỡ và phân biệt hồng cầu, xác định huyết sắc tố trên máy phân tích huyết học Nihon Kohden. Thành phần bao gồm: Quaternary Ammonium Salt<10% Sodium Lauryl Sulfate<1.5%.	Chai 500ml	Can/Bình/C hai	26
4	Dung dịch pha loãng mẫu máu	Dùng cho máy xét nghiệm huyết học CELLTAC ALPHA. Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học Nihon Kohden. Thành phần: NaCl ≤ 9.4%, Buffer ≤1.6%, Anti-Microbial Agent ≤1.0%.	Thùng/ 20 lít	Can/Thùng	45
5	Hóa chất Ngoại kiểm huyết học	Dùng cho máy xét nghiệm huyết học CELLTAC ALPHA. RIQAS Monthly Haematology (Chương trình Ngoại kiểm Huyết Học)	Bộ 3 x 2ml	Bộ	8
6	Nội kiểm (QC) huyết học CBC	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm huyết học tương thích với máy Huyết học CELLTAC Alpha, bao gồm: hồng cầu của người, bạch cầu mô phỏng, tiểu cầu của động vật có vú lơ lửng trong huyết tương như chất lỏng với chất bảo quản.	Bộ 3 x 3ml	Bộ	8
IV	HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI MÁY ELECTALYTE - 500 FORTRESS (08 khoản)				

STT	Danh mục hàng hoá	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
1	Hóa chất điện giải	Phù hợp cho máy xét nghiệm Điện giải Electalyte-500. Xét nghiệm phân tích 5 thông số K, Na, Cl, Ca, pH, dùng làm dung dịch rửa và tiêu chuẩn điểm đơn.	Hộp/ 1000ml	Hộp	34
2	Dung dịch rửa máy ion đồ 5 thông số Na/K/Cl/Ca/pH	Dung dịch rửa máy ion đồ 5 thông số Na/K/Cl/Ca/pH tương thích với máy Điện giải Electalyte-500.	Lọ 100ml	Lọ	12
3	Dung dịch châm điện cực tham chiếu Na+, K+, Cl-, Ca2+, pH	Dung dịch châm điện cực tham chiếu Na+, K+, Cl-, Ca2+, pH tương thích với máy Điện giải ELECTALYTE 500.	15ml	Lọ	4
4	Dung dịch châm điện cực Kali.	Dung dịch châm điện cực Kali tương thích với máy Điện giải ELECTALYTE 500.	15ml	Lọ	4
5	Dung dịch châm điện cực Canxi	Dung dịch châm điện cực Canxi tương thích với máy Điện giải ELECTALYTE 500,	15ml	Lọ	8
6	Dung dịch châm điện cực chung pH, Na, Cl	Dung dịch châm điện cực chung pH, Na, Cl tương thích với máy Điện giải ELECTALYTE 500.	15ml	Lọ	8
7	Dung dịch hiệu chuẩn máy điện giải	Dung dịch chuẩn Ion đồ tương thích với máy Điện giải ELECTALYTE 500.	Lọ 100ml	Lọ	4
8	Dung dịch kiểm chứng điện giải 3 mức	Dung dịch kiểm chứng điện giải 3 mức tương thích với máy Điện giải ELECTALYTE 500.	Hộp: L1: 10 x 2ml L2: 10 x 2ml L3: 10 x 2ml	Hộp	4
V	XÉT NGHIỆM KHÍ MÁU EASY BLOODGAS - MEDICA (03 khoản)				
1	Hoá chất xét nghiệm khí máu	Phù hợp cho máy phân tích khí máu Medica EasyBloodGas.	Hộp/ 1 bộ	Hộp	30
2	Hoá chất QC khí máu	Phù hợp cho máy phân tích khí máu Medica EasyBloodGas.	Hộp/ 30 ống	Bộ	4
3	Hoá chất rửa làm sạch	Phù hợp cho máy phân tích khí máu Medica EasyBloodGas.	Hộp/ 1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin	Hộp	9
VI	XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU MÁY STAGO START (04 khoản)				
1	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu để đo thời gian PT	Phù hợp với máy đông máu Stago Start. Xét nghiệm xác định in vitro thời gian protrombin huyết tương người. Giá trị đo được của huyết tương: trên nhãn chai. Loại mẫu: máu tĩnh mạch không sử dụng EDTA và heparin.	40ml	Bộ	6
2	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu để đo thời gian APTT	Phù hợp với máy đông máu Stago Start. Xét nghiệm xác định thời gian Thromboplastin từng phần được kích hoạt trong huyết tương người (APTT) trong ống nghiệm.	50ml	Bộ	6

STT	Danh mục hàng hoá	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
3	Bi từ	Bi từ hỗ trợ máy phân tích đông máu bán tự động. Thành phần gồm hạt khử từ mild steel 3CR13. Bề mặt hạt mịn, không lệch tâm, không trầy xước, không nứt, không biến dạng		Viên	3.400
4	Cuvet dùng cho máy đông máu	Phù hợp với máy đông máu Stago Start. Cuvette phản ứng đông máu làm từ nhựa.		Cái/Giếng/Cống	4.000
Tổng cộng: 53 (năm mươi ba) khoản					